

وَلَا طَعَامٌ إِلَّا مِنْ غَسِيلٍ ۚ ﴿٣٦﴾ لَا يَأْكُلُهُ إِلَّا الْخَاطِئُونَ ۚ ﴿٣٧﴾ فَلَا أُقْسِمُ
 بِمَا تُبْصَرُونَ ۚ ﴿٣٨﴾ وَمَا لَا تَبْصُرُونَ ۚ ﴿٣٩﴾ إِنَّهُ لَقَوْلُ رَسُولٍ كَرِيمٍ ۚ ﴿٤٠﴾ وَمَا هُوَ
 بِقَوْلِ شَاعِرٍ قَلِيلًا مَّا تُوْمَنُونَ ۚ ﴿٤١﴾ وَلَا بِقَوْلِ كَاهِنٍ قَلِيلًا مَّا تَذَكَّرُونَ ۚ ﴿٤٢﴾
 تَنْزِيلٌ مِنْ رَبِّ الْعَالَمِينَ ۚ ﴿٤٣﴾ وَلَوْ تَقَوَّلَ عَلَيْنَا بَعْضُ الْأَقَاوِيلِ ۚ ﴿٤٤﴾
 لَأَخَذْنَا مِنْهُ بِالْيَمِينِ ۚ ﴿٤٥﴾ ثُمَّ لَقَطَعْنَا مِنْهُ الْوَتِينَ ۚ ﴿٤٦﴾ فَمَا مِنْكُمْ
 مِنْ أَحَدٍ عَنْهُ حَاجِزِينَ ۚ ﴿٤٧﴾ وَإِنَّهُ لَتَذَكَّرٌ لِلْمُتَّقِينَ ۚ ﴿٤٨﴾ وَإِنَّا
 لَنَعْلَمُ أَنَّ مِنْكُمْ مُكَذِّبِينَ ۚ ﴿٤٩﴾ وَإِنَّهُ لَحَسْرَةٌ عَلَى الْكَافِرِينَ ۚ ﴿٥٠﴾
 وَإِنَّهُ لَحَقُّ الْيَقِينِ ۚ ﴿٥١﴾ فَسَبِّحْ بِاسْمِ رَبِّكَ الْعَظِيمِ ۚ ﴿٥٢﴾

سورة المعارج

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

سَأَلَ سَائِلٌ بِعَذَابٍ وَاقِعٍ ۚ ﴿١﴾ لِلْكَافِرِينَ لَيْسَ لَهُ دَافِعٌ ۚ ﴿٢﴾
 مِنَ اللَّهِ ذِي الْمَعَارِجِ ۚ ﴿٣﴾ تَعْرُجُ الْمَلَائِكَةُ وَالرُّوحُ إِلَيْهِ
 فِي يَوْمٍ كَانَ مِقْدَارُهُ خَمْسِينَ أَلْفَ سَنَةٍ ۚ ﴿٤﴾ فَأَصْبَرَ صَبْرًا جَمِيلًا ۚ ﴿٥﴾
 إِنَّهُمْ يَرَوْنَهُ وَبَعِيدًا ۚ ﴿٦﴾ وَنَزَلَهُ قَرِيبًا ۚ ﴿٧﴾ يَوْمَ تَكُونُ السَّمَاءُ
 كَالْمُهْلِ ۚ ﴿٨﴾ وَتَكُونُ الْجِبَالُ كَالْعِهْنِ ۚ ﴿٩﴾ وَلَا يَسْأَلُ حَمِيمٌ حَمِيمًا ۚ ﴿١٠﴾

- 36.- “Và không có thức ăn nào khác ngoài chất mù hôi tanh từ vết thương,
 37.- “ Chỉ để dành cho những kẻ phạm nhân ăn mà thôi.”
 38.- Bởi thế, TA (Allah) thể bằng điều mà các người nhìn thấy,
 39.- Và bằng điều mà các người không thấy,
 40.- Rằng Nó (Qur’ān) là lời đọc của một vị Sứ giả rất vinh dự.
 41.- Và Nó không phải là lời của một thi sĩ. Nhưng các người chẳng mấy tin.
 42.- Và Nó cũng không phải là lời của một thầy bói. Các người không lưu ý.
 43.- (Nó là) Lời mặc khải do *Rabb* của vũ trụ và muôn loài ban xuống.
 44.- Và nếu Y (Muhammad) bịa đặt những lời lẽ về TA (Allah),
 45.- Thì chắc chắn TA sẽ tóm bắt Y bằng tay phải,
 46.- Rồi TA sẽ cắt đứt động mạch (nơi quả tim) của Y,
 47.- Bởi thế, không một ai trong các người có thể bảo vệ Y (khỏi TA).
 48.- Và quả thật, Nó là Lời Nhắc nhở ban cho những người sợ Allah.
 49.- Và TA biết chắc trong các người có người phủ nhận (Nó).
 50.- Và quả thật, Nó là nguồn lo-âu cho những kẻ không có niềm tin.
 51.- Nhưng Nó là Chân-lý tuyệt đối được khẳng định chắc chắn.
 52.- Bởi thế, hãy tán dương Đại Danh của *Rabb* Chí Đại của Người.



AL-MA'ĀRIJ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
 Đấng Rất mực Khoan dung

- 1.- Có người hỏi về sự Trừng phạt sắp xảy ra
- 2.- Cho những kẻ không có đức tin mà không ai có thể tránh được,
- 3.- Từ Allah, Chủ Nhân của những con đường thẳng lên trời,
- 4.- Các Thiên thần và *Rūh* (Jibrīl) đi lên châu Ngài trong một Ngày tương đương với năm mươi ngàn năm (theo niên kỷ của con người).
- 5.- Bởi thế, hãy kiên nhẫn chịu đựng một cách vui tươi,
- 6.- Quả thật, chúng (những kẻ không có đức tin) thấy nó xa vời,
- 7.- Nhưng TA (Allah) thấy nó gần kề;
- 8.- Ngày mà bầu trời sẽ (tan rã) như đồng thau được nấu chảy;
- 9.- Và-những quả núi sẽ (nhẹ) như lông trĩu;
- 10.- Không một người bạn nào sẽ hỏi thăm người bạn mình;

يُبْصَرُ وَنَهْمٌ يُوَدُّ الْمُجْرِمُ لَوْ يَفْتَدِي مِنْ عَذَابٍ يَوْمَئِذٍ بِبَنِيهِ ۝
وَصَحْبَتِهِ وَأَخِيهِ ۝^{١٢} وَفَصِيلَتِهِ الَّتِي تُؤْوِيهِ ۝^{١٣} وَمَنْ فِي الْأَرْضِ جَمِيعًا
ثُمَّ يُنْجِيهِ ۝^{١٤} كَلَّا إِنَّهَا لَلظَى ۝^{١٥} نَزَاعَةَ اللَّشْوَى ۝^{١٦} تَدْعُو مَنْ أَدْبَرَ
وَتَوَلَّى ۝^{١٧} وَجَمَعَ فَأَوْعَى ۝^{١٨} * إِنَّ الْإِنْسَانَ خُلِقَ هَلُوعًا ۝^{١٩} إِذَا مَسَّهُ الشَّرُّ
جَزُوعًا ۝^{٢٠} وَإِذَا مَسَّهُ الْخَيْرُ مَنُوعًا ۝^{٢١} إِلَّا الْمُصَلِّينَ ۝^{٢٢} الَّذِينَ هُمْ
عَلَى صَلَاتِهِمْ دَائِمُونَ ۝^{٢٣} وَالَّذِينَ فِي أَمْوَالِهِمْ حَقٌّ مَّعْلُومٌ ۝^{٢٤} لِلسَّائِلِ
وَالْمَحْرُومِ ۝^{٢٥} وَالَّذِينَ يُصَدِّقُونَ بِيَوْمِ الدِّينِ ۝^{٢٦} وَالَّذِينَ هُمْ مِّنْ عَذَابِ
رَبِّهِمْ مُّشْفِقُونَ ۝^{٢٧} إِنَّ عَذَابَ رَبِّهِمْ غَيْرُ مَأْمُونٍ ۝^{٢٨} وَالَّذِينَ هُمْ
لِفُرُوجِهِمْ حَافِظُونَ ۝^{٢٩} إِلَّا عَلَىٰ أَرْوَاجِهِمْ أَوْ مَا مَلَكَتْ أَيْمَانُهُمْ
فَإِنَّهُمْ غَيْرُ مَلُومِينَ ۝^{٣٠} فَمَنْ ابْتَغَىٰ وَرَاءَ ذَلِكَ فَأُولَٰئِكَ هُمُ الْعَادُونَ ۝^{٣١}
وَالَّذِينَ هُمْ لِأَمْتِنَتِهِمْ وَعَهْدِهِمْ رَاعُونَ ۝^{٣٢} وَالَّذِينَ هُمْ بِشَهَادَتِهِمْ قَائِمُونَ
۝^{٣٣} وَالَّذِينَ هُمْ عَلَىٰ صَلَاتِهِمْ يُحَافِظُونَ ۝^{٣٤} أُولَٰئِكَ فِي جَنَّاتٍ مُّكْرَمُونَ ۝^{٣٥}
فَمَالِ الَّذِينَ كَفَرُوا قِبَلَكَ مُهْطِعِينَ ۝^{٣٦} عَنِ الْيَمِينِ وَعَنِ الشِّمَالِ
عِزِينَ ۝^{٣٧} أَيَطْمَعُ كُلُّ امْرِئٍ مِّنْهُمْ أَنْ يُدْخَلَ جَنَّةَ نَعِيمٍ ۝^{٣٨} كَلَّا إِنَّا خَلَقْنَاهُمْ
مِّمَّا يَعْلَمُونَ ۝^{٣٩} فَلَا أُقْسِمُ بِرَبِّ الْمَشْرِقِ وَالْمَغْرِبِ إِنَّا لَقَادِرُونَ ۝^{٤٠}

- 11.- Mặc dầu họ nhìn thấy nhau. Kẻ tội lỗi mong muốn nếu y có thể dâng các đứa con để thế mạng hầu khỏi bị trừng phạt vào ngày đó;
- 12.- (Dâng) cả vợ và anh em của y,
- 13.- (Dâng) bà con ruột thịt đã chứa chấp y,
- 14.- Và tất cả những gì trên quả đất; rồi để nó (sự dâng cúng) sẽ giải cứu y.
- 15.- Nhưng vô phương. Bởi vì chỉ có Lửa ngọn
- 16.- Đốt tróc da đầu.
- 17.- Nó (Lửa) sẽ gọi ai quay lưng và quay mặt bỏ đi,
- 18.- Và tom góp của cải và giấu kỹ.
- 19.- Quả thật, con người được tạo ra vốn nôn nóng,
- 20.- Hay than van khi gặp điều dữ;
- 21.- Và keo kiệt khi gặp điều lành (may mắn, giàu có).
- 22.- Ngoại trừ những người dâng lễ '*Salāh*',
- 23.- Những ai kiên trì trong việc dâng lễ '*Salāh*' của họ;
- 24.- Và những ai trích xuất từ tài sản của họ một phần qui định bắt buộc,
- 25.- (Để bố thí) cho người ăn xin và người thiếu hụt;
- 26.- Và những ai xác nhận có Ngày Phán xử (Cuối cùng),
- 27.- Và những ai sợ sự trừng phạt của *Rabb* (Allah) của họ;
- 28.- Sự trừng phạt của *Rabb* của họ là điều mà không ai cảm thấy an toàn.
- 29.- Và những ai giữ gìn phần kín đáo của cơ thể (tiết chế tình dục),
- 30.- Ngoại trừ với vợ của mình và với ai nằm trong tay phải của mình (các nữ tù binh); bởi vì họ không bị khiển trách (đối với họ).
- 31.- Nhưng ai tìm cách vượt quá (giới hạn) đó thì sẽ là những kẻ phạm tội.
- 32.- Và những ai tôn trọng sự ký thác và lời giao-ước;
- 33.- Và những ai đứng vững trong việc làm chứng của họ;
- 34.- Và những ai chăm nom việc dâng lễ '*Salāh*' của họ,
- 35.- Những người đó sẽ vinh dự sống trong những Ngôi Vườn (Thiên đàng).
- 36.- Chuyện gì xảy ra cho những kẻ không tin đồ xô chạy đến trước mặt Người.
- 37.- Từng nhóm một, từ phía bên phải và bên trái?
- 38.- Há từng tên của bọn chúng muốn được vào Thiên đàng Hạnh phúc?
- 39.- Vô phương! Quả thật, TA đã tạo chúng từ chất mà chúng biết.
- 40.- Bởi thế, TA thể nhân danh *Rabb* của các điểm của hướng Đông và của hướng Tây rằng TA có quyền định đoạt

عَلَىٰ أَنْ يُبَدَّلَ خَيْرًا مِنْهُمْ وَمَا نَحْنُ بِمَسْبُوقِينَ ﴿٤١﴾ فَذَرَهُمْ
يَخُوضُوا وَيَلْعَبُوا حَتَّىٰ يَلْقُوا يَوْمَهُمُ الَّذِي يُوْعَدُونَ ﴿٤٢﴾ يَوْمَ
يَخْرُجُونَ مِنَ الْأَجْدَاثِ سِرَاعًا كَانَهُمْ إِلَىٰ نُصْبٍ يُؤْفَضُونَ ﴿٤٣﴾
خَشِعَةً أَبْصَرُهُمْ تَرَهْقَهُمْ ذَلَّةً ذَلَّةً ذَلِكَ الْيَوْمُ الَّذِي كَانُوا يُوعَدُونَ ﴿٤٤﴾

سورة نوح

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

إِنَّا أَرْسَلْنَا نُوحًا إِلَىٰ قَوْمِهِ أَنْ أَنْذِرْ قَوْمَكَ مِنْ قَبْلِ أَنْ يَأْتِيَهُمْ
عَذَابٌ أَلِيمٌ ﴿١﴾ قَالَ يَقَوْمِ إِنِّي لَكُمْ نَذِيرٌ مُبِينٌ ﴿٢﴾ أَنْ أَعْبُدُوا
اللَّهَ وَاتَّقُوهُ وَأَطِيعُوا ﴿٣﴾ يَغْفِرْ لَكُمْ مِنْ ذُنُوبِكُمْ وَيُؤَخِّرْكُمْ
إِلَىٰ أَجَلٍ مُّسَمًّىٰ إِنَّ أَجَلَ اللَّهِ إِذَا جَاءَ لَا يُؤَخَّرُ لَوْ كُنْتُمْ تَعْلَمُونَ ﴿٤﴾
قَالَ رَبِّ إِنِّي دَعَوْتُ قَوْمِي لَيْلًا وَنَهَارًا ﴿٥﴾ فَلَمْ يَزِدْهُمْ دُعَايَ إِلَّا
فِرَارًا ﴿٦﴾ وَإِنِّي كُلَّمَا دَعَوْتُهُمْ لِتَغْفِرَ لَهُمْ جَعَلُوا أُصْبِعَهُمْ فِي
ءَاذَانِهِمْ وَأَسْتَغْشَوْا ثِيَابَهُمْ وَأَصْرُوا وَاسْتَكْبَرُوا اسْتِكْبَارًا
﴿٧﴾ ثُمَّ إِنِّي دَعَوْتُهُمْ جِهَارًا ﴿٨﴾ ثُمَّ إِنِّي أَعْلَنْتُ لَهُمْ وَأَسْرَرْتُ
لَهُمْ إِسْرَارًا ﴿٩﴾ فَقُلْتُ اسْتَغْفِرُوا رَبَّكُمْ إِنَّهُ كَانَ غَفَّارًا ﴿١٠﴾

- 41.- Việc thay thế chúng bằng những người khác tốt hơn chúng. Và TA sẽ không thất bại (trong Kế hoạch của TA).
- 42.- Bởi thế, hãy để mặc chúng vui đùa tán gẫu và vui đùa cho đến khi giáp Ngày (Phán xử) mà chúng đã được hứa;
- 43.- Ngày mà chúng sẽ vội vã đi ra khỏi mộ giống như cảnh chúng đâm đầu chạy đến mục tiêu (đã định sẵn cho chúng),-
- 44.- Cặp mắt nhìn xuống, tràn đầy nhục nhã. Đó là Ngày mà chúng đã được hứa!

NŪH (Nabi Nūh)

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng,
Đấng Rất mực Khoan dung

- 1.- Quả thật, TA (Allah) đã cử Nūh (Nô-ê) đến cho người dân của Người (với Mệnh Lệnh): “Hãy cảnh cáo người dân của Người trước khi một sự trừng phạt đau đớn sẽ xảy đến cho họ.”
- 2.- Người bảo: “Này hỡi dân ta! Ta là một Người báo-trước được công khai cử đến với các người,
- 3.- Rằng “Hãy thờ phụng Allah và sợ Ngài và vâng lời ta,
- 4.- “Ngài sẽ tha thứ tội lỗi cho các người và gia hạn cho các người (sống) đến một thời hạn ấn định. Quả thật, khi thời hạn do Allah ấn định đã mãn thì sẽ không còn việc gia hạn nữa, nếu các người biết.”
- 5.- (Nūh) thưa: “Lạy Rabb của bề tôi! Bề tôi đã gọi mời người dân của bề tôi ban đêm lẫn ban ngày,
- 6.- “Nhưng lời gọi mời của bề tôi chẳng thêm thốt được gì ngược lại chỉ làm cho họ chạy xa hơn;
- 7.- “Và mỗi lần bề tôi gọi mời họ (theo Islām) để Ngài tha thứ cho họ thì họ lấy ngón tay bịt tai lại và lấy áo choàng phủ lên mình và tiếp tục ngoan cố và vô cùng ngạo mạn.
- 8.- “Rồi, bề tôi gọi mời họ lớn tiếng;
- 9.- “Rồi, bề tôi nói với họ có lúc công khai có lúc kín đáo;
- 10.- “Bề tôi bảo họ: ‘Hãy cầu xin Rabb của các người tha thứ. Quả thật, Ngài Hằng Tha thứ;